

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5891/SXD-KHĐT

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 7 năm 2026

V/v thẩm định, trình phê duyệt
Báo cáo KT-KT đầu tư xây
dựng công trình: Sửa chữa,
khắc phục tuyến ĐT.626
(Km14+170)

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-SXD ngày 12/01/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phương án sử dụng nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170);

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-SXD ngày 30/6/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, dự toán chi phí chuẩn bị dự án Công trình: Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170);

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-SXD ngày 02/7/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170);

Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-SXD ngày 02/7/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc chỉ định thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170);

Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-SXD ngày 08/07/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc chỉ định thầu gói thầu Tư vấn Thẩm tra Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật, công trình: Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170);

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Công ty TNHH Tư vấn ĐT&XD Quang Trung lập và Công ty TNHH Tư vấn TH&XD Hoàng Phúc thẩm tra, đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, cụ thể như sau:

- 1. Tên công trình:** Sửa chữa, khắc phục tuyến ĐT.626 (Km14+170).
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Xây dựng.
- 3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Công ty TNHH Tư vấn ĐT&XD Quang Trung.
- 4. Tổ chức tư vấn Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Công ty TNHH Tư vấn TH&XD Hoàng Phúc.
- 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**
Sửa chữa, khắc phục hư hỏng tuyến đường ĐT.626 (Km14+170) để kiên cố chống sạt lở, xử lý ổn định nền đường và hoàn thiện phần mặt đường, hệ thống báo hiệu đường bộ bị hư hỏng... để đảm bảo giao thông êm thuận, an toàn giao thông trên tuyến, bảo đảm an toàn tài sản, tính mạng của người dân cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh.
- 6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:**

- Cấp đường: Đường cấp IV miền núi (Theo TCVN 4054-2005).
- Cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ cấp IV.
- Phạm vi thiết kế mặt đường từ Km14+109,88 đến Km14+218,24 (L=108,36m). Trong đó phần thiết kế khắc phục sạt lở taluy dương bằng tường chắn BTCT theo lý trình tim tuyến từ Km14+120 đến Km14+214,54 (chiều dài thiết kế tường chắn L=94,54m); khóa mái đầu, cuối tường chắn bằng rọ đá L=4+4=8m.
- Tốc độ thiết kế: 40Km/h.
- Bề rộng nền, mặt, lề đường: $B_n = 7,5m$, $B_m = 6,5m$, $B_l = 2 \times 0,5m = 1,0m$.
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$, $i_l = 4\%$.
- Độ dốc dọc tối đa: $I_{max} = 11\%$.
- Độ dốc mái taluy nền đào đất sạt lở: 1/1 - 1/1,5, nền đắp 1/1,5.
- Kết cấu mặt đường: thiết kế đoạn mặt đường BTXM bị hư hỏng đoạn sụt trượt bằng kết cấu mặt đường bê tông cốt thép dày 22cm, tải trọng trục thiết kế $P = 100kN$.
- Kết cấu lề đường bê tông: lề đường được gia cố bê tông M250 đến sát mép rãnh dọc chống xói lở.
- Thoát nước ngang:
 - + Sửa chữa cống V(100x100) cm tại lý trình Km14+117,63: Sửa chữa gia cố thượng hạ lưu cống, nạo vét thông cống;
 - + Sửa chữa cầu nhỏ L=6m tại lý trình Km14+220,95: Sửa chữa gia cố bê tông taluy phía thượng lưu, gia cố rọ đá hạ lưu mô M1, gia cố sân cầu hạ lưu bằng bê tông cốt thép, đào khơi thông lòng cầu.
- Rãnh thoát nước dọc: Rãnh thoát nước dọc có tiết diện hình thang.
- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

7. Địa điểm XD: Xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích đất sử dụng 0,43ha.

9. Phương án xây dựng:

a. Hướng tuyến:

Tại Km14+100 tim tuyến thiết kế mới theo hiện trạng mặt đường cũ.

b. Mặt cắt dọc:

- Trắc dọc thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến, độ dốc dọc lớn nhất là 11%.
- Mặt cắt ngang: Thiết kế theo quy mô đường cấp IV miền núi theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005:

- + Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$.
- + Bề rộng mặt đường: $B_m = 6,5\text{m}$.
- + Bề rộng lề bê tông: $B_l = 0,5 \times 2\text{m} = 1\text{m}$.

c. Nền đường:

- Nền đắp thông thường có độ dốc mái ta luy 1/1,5.
- Đoạn nền đào đất sạt lở: Đào đất mái taluy đào 1/1 - 1/1,5, đào vận chuyển hết khối lượng đất sạt lở phía taluy dương trong phạm vi thiết kế tường chắn.

d. Mặt đường:

Theo TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- Kết cấu mặt đường:
 - + Lớp mặt bê tông cốt thép M350 đá 1x2 dày 22cm (có dùng phụ gia đông kết nhanh).
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1, $D_{\max} = 25\text{mm}$ dày 15cm.
 - + Lớp giấy giàu chống thấm.
 - + Lu khuôn đường nền đường đào đạt độ chặt $K > 0,98$; $\text{CBR} > 6$.
- Kết cấu lề đường bê tông: Lớp mặt Bê tông xi măng M250 đá 1x2 dày 18cm, 01 lớp giấy dầu chống thấm, lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm, khuôn nền đào đạt độ chặt $K > 0,98$; $\text{CBR} > 6$.

e. Thiết kế lề gia cố mái taluy dương nền đường:

Đoạn taluy dương Km14+117,63-Km14+212,5 sau khi đào mái giảm tải được gia cố. Kết cấu gia cố bằng hệ khung giằng BTCT kết hợp tấm ốp bê tông, hệ khung giằng ngang dọc KT(20x20) cm bằng bê tông M200 đá 1x2, tấm ốp bằng bê tông KT(40x40x5) cm bằng bê tông M200 đá 1x2, ở giữa có chừa lỗ trồng cỏ.

f. Tường chắn bê tông cốt thép taluy dương kết hợp cọc khoan nhồi:

Thiết kế tường chắn taluy dương Đoạn Km14+120 đến Km14+214,54, $L = 94,54\text{m}$ được chia thành 8 đoạn, mỗi đoạn dài 11.8m, giữa các đoạn bố trí khe phòng lún rộng 2cm liên kết với nhau bằng thép D32 và bao tải tấm nhựa đường.

- Chiều cao tường chắn BTCT $H = (4-5)\text{m}$.
- Thân, móng tường chắn bằng bê tông 25Mpa đá 1x2.
- Lớp lót móng tường chắn bằng bê tông 12Mpa đá 2x4.
- Móng tường chắn đặt trên nền móng cọc khoan nhồi bằng bê tông cốt thép 25Mpa đá 1x2.

- Sau lưng tường chắn bố trí tầng lọc ngược đá 2x4 dày 50cm được bọc lớp vải địa kỹ thuật ART12, lớp đất sét để thu nước ngầm KT:(50x100) cm, ống thoát nước PVC D90 bố trí cách khoảng 2m.

- Sau lưng tường chắn đắp cát hạt thô.

g. Cọc khoan nhồi:

- Móng tường chắn BTCT được đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính D=1000mm.

- Chiều dài thân cọc khoan nhồi L=13m-15m tùy theo từng đoạn.

- Thân cọc bằng BTCT 30 Mpa.

- Cọc khoan nhồi sau khi khoan qua các lớp đất, đá phong hóa thì Mũi cọc khoan nhồi được ngầm trong lớp đá cứng.

- Sử dụng ống vách thép đường kính D=1100mm, L=4,5m để dẫn hướng và dung dịch Bentonite tạo ổn định thành hố khoan trong quá trình khoan cọc.

h. Công trình thoát nước:

h.1. Sửa chữa cống V(100x100) tại Km14+117,63: Tận dụng cống cũ, sửa chữa thượng hạ lưu cống để đảm bảo khả năng thoát nước, cụ thể như sau:

- Thân cống tận dụng lại cống cũ, nạo vét thông cống.

- Kết cấu thượng hạ lưu, thiết kế mới:

- + Móng, thân hố tụ BT M150, đá 2x4.

- + Bê tông lót móng hố tụ M150 đá 2x4, dày 10cm.

- + Móng tường đầu, tường cánh, chân khay, sân cống hạ lưu bằng BT M150 đá 2x4.

- + Hạ lưu xếp rọ đá chống xói.

h.2. Sửa chữa cầu nhỏ L=6m tại Km14+220,95: Tận dụng cầu cũ, sửa chữa gia cố thượng hạ lưu tiếp giáp tường cánh cầu bị xói lở, đục tẩy khơi thông lòng cầu, gia cố sân cầu đảm bảo khả năng thoát nước, cụ thể như sau:

- Gia cố mái taluy hai bên đầu cầu phía thượng lưu: kết cấu gia cố bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 12cm, chân khay gia cố bằng bê tông M150 đá 2x4 kích thước (0.4x1)m.

- Gia cố taluy âm hạ lưu mô M1: Gia cố bằng cách xếp rọ đá KT(200x100x50) cm theo các lớp đan xen nhau để đảm bảo ổn định nền đường. Sau lưng tường chắn được bọc vải địa kỹ thuật ART-12.

- Gia cố sân cầu phía hạ lưu bằng BTCT M200 đá 1x2 dày 30cm, chân khay gia cố KT(150x50)cm. Phía hạ lưu xếp rọ đá chống xói.

h.3. Rãnh dọc:

- Rãnh dọc thoát nước thông thường: Rãnh hình thang kết cấu bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 12cm với các kích thước:

- + Bề rộng đáy rãnh: $B_d = 40\text{cm}$.

- + Bề rộng mặt rãnh $B_m = 120\text{cm}$.

- + Chiều cao rãnh $H = 40\text{cm}$.
- + Hệ số mái rãnh $m=1$.
- Rãnh thoát nước dọc kết hợp móng tường chắn taluy dương: Rãnh hình thang kết cấu mái rãnh bằng bê tông M150 đá 1x2 dày 15cm, đáy rãnh bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 20cm với các kích thước:
 - + Bề rộng đáy rãnh: $B_d = 160\text{cm}$.
 - + Bề rộng mặt rãnh $B_m = 285\text{cm}$.
 - + Chiều cao rãnh $H = 100\text{cm}$

k. An toàn giao thông:

- Bố trí biển báo, hộ lan mềm đảm bảo an toàn giao thông đoạn tuyến thiết kế.
- Hệ thống báo hiệu đường bộ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.
- Bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành; có người điều tiết, hướng dẫn giao thông.

10. Loại, cấp công trình:

- Loại, cấp công trình chính: Nhóm C, công trình sửa chữa, khắc phục.

11. Tổng mức đầu tư: 19.950.000.000 đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh).

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê Tư vấn quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

Kính trình Giám đốc Sở Xây dựng xem xét chỉ đạo thẩm định phê duyệt để có cơ sở thực hiện bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Văn Hà